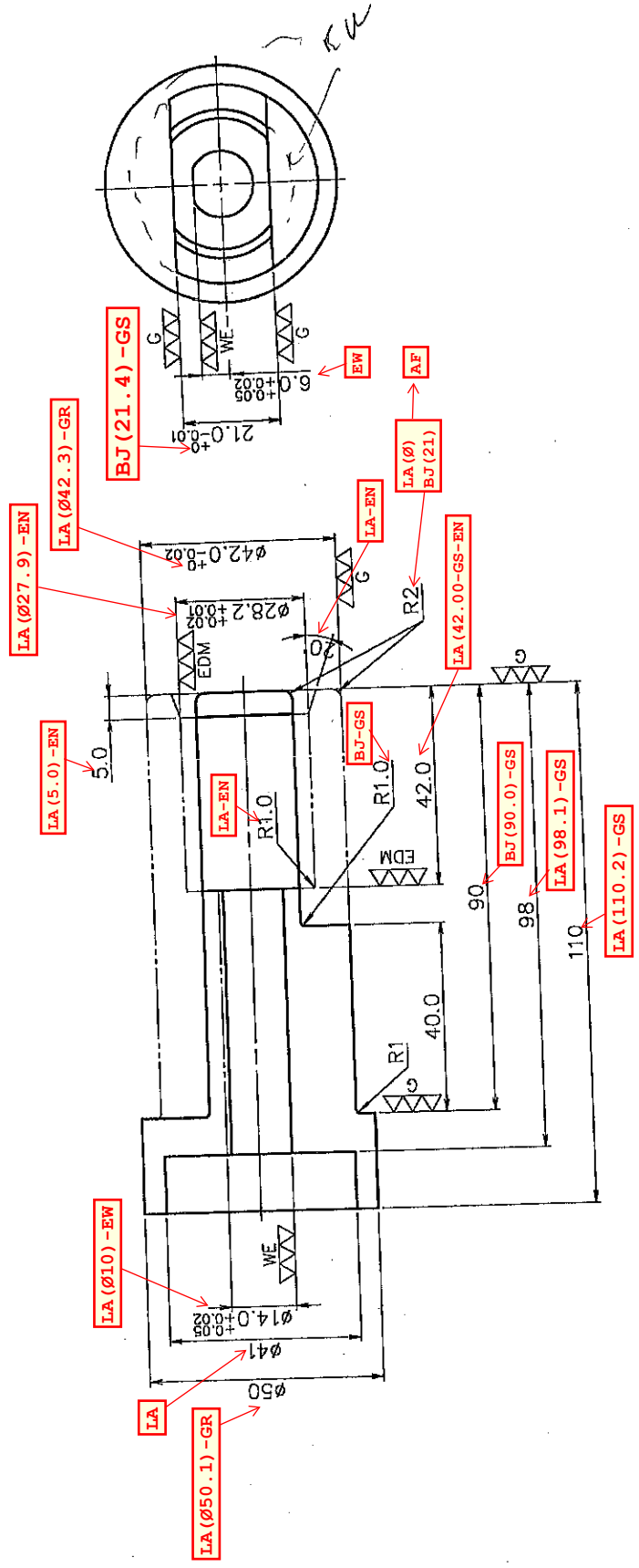


213 2021 0719A
1P


金型加工公差表				示
0.0000	± 0.002	0.000 ⁻⁰	+0.005	
0.000	± 0.005	0.000 ⁻⁰	+0.008	
0.00	± 0.01	0.00 ⁻⁰	+0	
0.0	± 0.1	0.00 ⁻⁰	+0.01	
0.	± 0.2	0.0 ⁻⁰	+0	
		0.0 ⁻⁰	+0.1	

舊面上有公差表時，以圖面公差表為

除指示外,各樣倒角C0.5



加填工程	
01	
02	
03	
04	
05	
06	
07	
08	
09	
10	
11	
12	

	1:1 (一) 卷	尺 度	面 面	1:1 (一) 卷	5	TMH4-0077-00-1-004-AA	F: 3207\OTHER\TMH40077\AA\1-004-AA	華鼎電機工業股份有限公司 V.1	1	製 造 廠	檢 理	表 面	材 質	數量	1	SKS3	檢 國	計 數	劉安昌	曾中照	製 國	日期	1999/05/01	共 通	部 品	番 號	精通風孔切起器具本體	名 稱	S059513
																													熱 處 理

414 204 0215

SNO: **S059513**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS3 Ø50*115	LA:120 BJ:60 HT:40 GR:75 GS:120 EW:120 EN:200 AF:20 KT